TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-PT
Ngày 25 - 02 - 2020
"V/v ly hôn, tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Thuý Mai

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Chưng

Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Minh Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc: Bà Bùi Thị Kim Tuyến - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/2019/TLPT-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp hôn nhân gia đình. Do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 44/2019/HNGĐ-ST ngày 02 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện V bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 07/2020/QĐ-PT ngày 12 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1974

Địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt)

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1974

Địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt)

3. Người kháng cáo: Anh Nguyễn Văn T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 23/7/2018 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị A tháng 4/1995. Trước khi cưới có được tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H. Cưới xong chị A về làm ăn ở chung cùng gia đình anh. Tình cảm vợ chồng ban đầu đầm ấm hạnh phúc. Đến tháng 6 năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng

làm ăn kinh tế thua lỗ, dẫn đến nợ nần sau đó vợ chồng đi lên tỉnh Lai Châu để buôn bán nhưng vẫn thua lỗ và đến năm 2015 vợ chồng về quê xã H để sinh sống. Khi về thì vợ chồng tiếp tục vay tiền chăn nuôi gà. Còn chị A đi chợ buôn bán nhưng chị A không chăm lo quan tâm đến gia đình mà quản lý sử dụng vốn riêng cho mình dẫn đến đầu năm 2017 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn cãi chửi nhau, chị A về nhà bố mẹ anh ở thời gian ngắn sau đó chị A đi đâu anh không biết và anh làm đơn ly hôn đến Tòa án để giải quyết thì chị A mới về. Sau khi chị A về hai bên gia đình giàn xếp nên anh và chị A rút đơn về đoàn tụ được thời gian ngắn. Sau đó chị A lại đi buôn bán không quan tâm đến gia đình nên vợ chồng lại xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 5/2018 cho đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh xin ly hôn chị A.

Bị đơn chị Nguyễn Thị A trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị trình bày: Chị kết hôn với anh T năm 1995, sau khi chị về làm ăn chung sống cùng gia đình anh T thì vợ chồng đã chăn nuôi gà thịt và gà đẻ, quá trình làm kinh tế thua lỗ, dẫn đến nợ nần sau đó vợ chồng đi lên tỉnh Lai Châu để buôn bán nhưng vẫn thua lỗ và đến năm 2015 vợ chồng về quê xã H để sinh sống. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận không có mâu thuẫn lớn xảy ra, chị buôn bán nên phải đi vắng nhà thường xuyên, khi về chị biết anh T lô đề cờ bạc, chị có khuyên bảo động viên nhưng anh T không sửa đổi mà còn đánh đuổi chị. Năm 2017 anh T có làm đơn ly hôn tại Tòa án được gia đình dàn xếp để vợ chồng đoàn tụ, sau đó anh T rút đơn về đoàn tụ vợ chồng. Được 01 năm thì anh T lại đánh đuổi chị và chị phải về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ tháng 6 năm 2018 cho đến nay, nhiều lần chị về chăm sóc các con anh T không cho chị vào nhà. Nay anh T có đơn ly hôn chị, qua thời gian dài chị đã về nói chuyện với bố mẹ chồng và được ông bà khuyên ngăn mong muốn vợ chồng chị về đoàn tụ nuôi dạy các con. Tại phiên tòa chị xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn chị xin được để vợ chồng về đoàn tụ nuôi dạy các con.

Về con chung: Anh T và chị A xác nhận vợ chồng có 04 con chung là Nguyễn Thị Thu B, sinh ngày 16/02/1997, Nguyễn Thị Thúy N, sinh ngày 27/12/2000, Nguyễn Thị Hồng D, sinh ngày 22/12/2003 và Nguyễn Quốc E, sinh ngày 04/01/2011. Hiện nay cháu B đã đi lấy chồng; còn 3 cháu đang ở với anh T; tại tòa chị A xin đoàn tụ nên chị không yêu cầu giải quyết về con. Anh T đề nghị chị A nuôi cháu D, anh T nuôi cháu N và cháu E đến khi các con trưởng thành và không yêu cầu chị A phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung; tài sản riêng; vay nợ; đất nông nghiệp và công sức: Anh T không yêu cầu tòa án giải quyết. Chị A sau khi nhận được thông báo thụ lý vụ án chị có yêu cầu giải quyết tài sản và công nợ. Chị A trình bày: Vợ chồng có diện tích 270m^2 đất thổ cư trên đất có 04 gian nhà cấp 4, 01 gian bếp, 02 gian nhà ngang và công trình vệ sinh. Tài sản là do chị và anh T mua của ông Trần Văn Triển (nay ông Triển đã chết), mua năm 2007 với giá 255.000.000đồng. Trong nhà có 01 bộ ghế trường, 02 giường đôi, 02 tủ đứng. Vợ chồng có thuê thầu đất hào hố của Ủy ban nhân dân xã H, hợp đồng ký 5 năm một lần. Trên đất thầu này vợ chồng đã xây dựng lán trại lợp proximăng khoảng 400m^2 để nuôi gà đẻ, còn lại là hố ao; trong chuồng có 1300 con gà đang đẻ trứng. Vợ chồng có cho ông Thủ ở Phủ Lý, tỉnh Hà Nam nợ tiền hàng tổng cộng là 140.000.000đồng. Về công nợ chị A trình bày: Vợ chồng vay của chị Hường 200.000.000đồng; vay của ông Công 50.000.000đồng. Đến ngày 12/8/2019 chị A có đơn xin rút yêu cầu giải quyết tài sản và công nợ do chị xin đoàn tụ nên chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về chi phí tố tụng: Chị A tự nguyện xin chịu, không yêu cầu giải quyết.

Với nội dung vụ án như trên, tại Bản án số 44/2019/HNGĐ-ST ngày 02 tháng 10 năm 2019, Tòa án nhân dân huyện V đã căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Văn T đối với chị Nguyễn Thị A.

Đình chỉ xét xử toàn bộ yêu cầu của chị Nguyễn Thị A về tài sản và công nợ chung của vợ chồng

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đồng án phí sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số AA/2016/0003828 ngày 17/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V. Trả lại chị Nguyễn Thị A tiền tạm ứng án phí 18.630.000đồng theo biên lai thu tiền số: AA/2017/0002028 ngày 01/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 16 tháng 10 năm 2019 anh Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo với nội dung không đồng ý với Quyết định của Bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc chấp nhận đơn khởi kiện cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị A.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc: Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Nguyễn Văn T trong thời hạn luật định nên được chấp nhận xem xét.

[2] Về nội dung: Trên cơ sở các tài liệu trong hồ sơ xác định: anh T và chị A đăng ý kết hôn ngày 1/4/1995 tại UBND xã H, huyện V. Quá trình chung sống anh T đã làm đơn ly hôn năm 2017 sau đó lại rút đơn. Tuy nhiên theo xác minh vợ chồng anh T, chị A từ trước đến nay đều xác định vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn và xác định nguyên nhân mâu thuẫn chỉ là trong cuộc sống hàng ngày vợ chồng làm kinh tế thua lỗ dẫn đến nợ nần nhiều nên có xảy ra cãi chửi nhau, ngoài ra không có mâu thuẫn gì khác. Chị A tha thiết xin đoàn tụ, gia đình anh T cũng mong muốn anh chị về đoàn tụ để nuôi dạy các con. Như vậy xét tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị A chưa đến mức trầm trọng, vẫn có thể hàn gắn được do vậy anh T kháng cáo xin ly hôn là chưa phù hợp, để đảm bảo cuộc sống gia đình cần giữ nguyên bản án sơ thẩm, tạo điệu kiện cho anh chị về đoàn tụ để nuôi dạy và giáo dục con chung, xây dựng gia đình hạnh phúc.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh T phải chịu theo quy định. Trả lại chị Nguyễn Thị A tiền tạm ứng án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Giữ nguyên bản án số 44/2019/HNGĐ-ST ngày 02 tháng 10 năm 2019, Tòa án nhân dân huyện V. Không chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Văn T đối với chị Nguyễn Thị A.

Đình chỉ xét xử toàn bộ yêu cầu của chị Nguyễn Thị A về tài sản và công nợ chung của vợ chồng.

2/ Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm và 300.000đ án phí ly hôn phúc thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0001871 ngày 16/8/2018 và Biên lai thu tiền số AA/2016/0004746 ngày 16/10/2019 của Chi cục thi hành án

dân sự huyện V. Trả lại chị Nguyễn Thị A tiền tạm ứng án phí 18.630.000đ theo biên lai thu tiền số: AA/2017/0002028 ngày 01/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND xã H-VT-VP
- Các đương sự;
- Lưu HS, Tòa GĐ&NCTN, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Phạm Thị Thuý Mai